

ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM (1943) VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG LỐI VĂN HÓA CỦA ĐẢNG

◆ PGS. TS. TRẦN KHÁNH THÀNH

Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943) là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn, là cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa, đã định hướng đúng đắn cho sự nghiệp xây dựng nền văn hóa văn nghệ trong suốt 80 năm qua. “Đề cương về văn hóa Việt Nam không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn cảnh bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu đến cách mạng văn hóa Việt Nam”¹. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo văn hóa, văn nghệ, Đảng ta không ngừng bổ sung, phát triển và đổi mới Đề cương cho phù hợp với quá trình phát triển của thực tiễn cách mạng.

1. Bối cảnh ra đời và tính lịch sử của Đề cương về văn hóa Việt Nam

Tháng 9 năm 1940, phát xít Nhật tràn xuống Lạng Sơn, Pháp bạc nhược đầu hàng làm tay sai cho Nhật, Nhân dân ta phải chịu tình cảnh “thân một cổ hai tròng nô lệ”, đời sống văn hóa, văn nghệ diễn ra hết sức phức tạp. Thực dân Pháp và phát xít Nhật đều ra sức tuyên truyền lôi kéo trí thức, văn nghệ sĩ nước ta. Trong lúc thực dân Pháp truyền bá chiêu bài “Pháp-Việt phục hưng” thì phát xít Nhật lại cổ vũ “chủ nghĩa Đại Đông Á”, “tinh thần Á Đông”, tuyên truyền văn hóa Nhật. Văn hóa, nghệ thuật trên diễn đàn công khai lâm vào bế tắc, những tác phẩm văn nghệ tiến bộ bị chính quyền thực dân kiểm duyệt gắt gao. Nhiều nhà văn có tinh thần dân tộc và yêu nước đang trăn trở tìm lối thoát cuộc đời nô lệ. Song hành với diễn đàn văn hóa công khai hỗn tạp đó, có một

nguồn mạch văn hóa mới đang hình thành bí mật. Tiếng gọi yêu nước và cách mạng đang âm ỉ lan truyền trên các tờ báo bí mật trên khắp ba miền đất nước như Tạp chí *Cộng sản*, *Cờ giải phóng*, *Cứu quốc*, *Độc lập*, *Tiếng chuông*, *Hồn nước*, *Khởi nghĩa*, *Tiếng gọi*, *Ánh bình minh*... Trong ngục tù đế quốc, những bài thơ của những người cộng sản như Lê Đức Thọ, Xuân Thủy, Trần Huy Liệu, Hoàng Văn Thụ, Đặng Xuân Thiều, Trần Minh Tước, Bùi Công Trùng, Trần Mai Ninh, Tố Hữu... được chuyển tay cho những người đồng chí để thắp lên tinh thần ý chí nghị lực cách mạng. Trước tình đó, ngày 25 tháng 02 năm 1943, Hội nghị Thường vụ của Trung ương Đảng Đông Dương nhận định: “Đảng cần phải phái cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, đảng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc, chống lại văn hóa phát xít thụt lùi”. Để đáp ứng nhiệm vụ cấp bách và lâu dài đó, đồng chí Trường Chinh đã soạn thảo Đề cương về văn hóa Việt Nam và được Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng thông qua cuối tháng 02 năm 1943. Ngay sau đó, tháng 3 năm 1943, các nhóm Văn hóa cứu quốc đầu tiên ở Hà Nội do đồng chí Lê Quang Đạo trực tiếp vận động đã được thành lập. Qua các nhóm Văn hóa cứu quốc, Đề cương về văn hóa Việt Nam được bí mật chuyển tới các trí thức, văn nghệ sĩ yêu nước từ Hà Nội xuống Hải Phòng, vào Miền Trung và đến cuối năm 1944 vào tận Nam Bộ. Đề cương về văn hóa Việt Nam lan tỏa nhanh chóng và có tác dụng to lớn đã trở

thành ngọn đuốc soi đường, thức tỉnh định hướng trí thức văn nghệ sĩ đi theo con đường cách mạng. Dưới ánh sáng của *Đề cương*, một đội ngũ ngày càng đông đảo những trí thức văn nghệ sĩ yêu nước và cách mạng như Học Phi, Như Phong, Đặng Thai Mai, Nguyễn Hồng, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, Vũ Quốc Uy, Hoàng Trung Thông, Huy Cận, Nam Cao, Trần Huyền Trân... đã tích cực hoạt động trong Hội Văn hóa cứu quốc, tham gia sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng nền văn hóa mới.

Trước Cách mạng, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* lưu hành bí mật, lần đầu tiên được đăng tải công khai trên Báo *Tiên phong* số 1 (ra ngày 10.11.1945). Tiếp đó, Trường Chinh cho công bố bài viết *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa Việt Nam mới lúc này* (Báo *Tiên phong* số 2, ra ngày 01.12.1945) cụ thể hóa và phát triển tiếp những nguyên tắc, phương châm trong bản *Đề cương*. Dựa trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Marx-Lenin, bản *Đề cương* đã xác định mối quan hệ không thể tách rời giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; xác định văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) mà Đảng cần phải lãnh đạo. Bản *Đề cương* đã chỉ ra những hạn chế và những nguy cơ của văn hóa Việt Nam trong quá khứ và đương thời, từ đó đề xuất đường lối xây dựng nền văn hóa mới – văn hóa xã hội chủ nghĩa. *Đề cương* đã xác định ba phương châm xây dựng văn hóa mới: dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa; khẳng định tính chất của “Văn hóa mới Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung”².

Thời điểm ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đất nước ta còn bị thực Pháp và phát xít Nhật đô hộ nên văn hóa dân tộc còn mang tính ngoại lai. Vì vậy, nhiệm vụ trước

mắt của văn nghệ sĩ là thoát khỏi sự nô dịch về văn hóa của thực dân, phong kiến; đấu tranh chống lại các học thuyết Khổng, Mạnh, Descartes, Bergson, Kant, Nietzsche... làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng. Tranh đấu về tông phái văn nghệ (chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng...) làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng. Đây là những vấn đề mang tính lịch sử của cách mạng văn hóa trong giai đoạn đầu tiên nhằm giải phóng nhân dân khỏi sự nô lệ về văn hóa của thực dân, phong kiến.

Quan điểm cốt lõi của *Đề cương* là xây dựng nền văn hóa mới phải lấy học thuyết Marx-Lenin làm nền tảng tư tưởng; lấy chủ nghĩa hiện thực xã hội làm phương pháp sáng tác; lấy phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng làm nguyên tắc. Cũng từ nội dung định hướng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, nhà nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai đã viết *Văn học khái luận* (1944), trình bày khá hệ thống các vấn đề lý luận văn học theo quan điểm duy vật biện chứng. Ông đã lý giải những vấn đề lý luận đó bằng một lập luận chặt chẽ, bằng những tri thức mới mẻ, sâu rộng tiếp nhận từ cả hai nguồn văn hóa phương Đông và phương Tây, góp phần cụ thể hóa quan điểm của Đảng Cộng sản Đông Dương về văn hóa, văn nghệ.

Những năm trước Cách mạng tháng Tám, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* cùng nhiều bài viết của Trường Chinh, Như Phong, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Hữu Đang, Đặng Thai Mai... đăng tải trên báo chí cách mạng có ý nghĩa vô cùng to lớn, là ánh sáng soi đường cho văn hóa dân tộc, là ngọn cờ vẫy gọi và tập hợp được đông đảo văn nghệ sĩ của cả nước tham gia vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, đặt nền móng xây dựng nền văn hóa mới.

2. Đề cương về văn hóa Việt Nam và đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng trong hai cuộc kháng chiến và xây dựng cuộc sống mới

Trong giai đoạn 1945-1954, đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng tiếp tục phát triển dưới ánh sáng của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Trong điều kiện kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu khẩu hiệu “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”, các lĩnh vực hoạt động văn hóa, văn nghệ đều tập trung vào nhiệm vụ phục vụ kháng chiến, phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng trong thời kỳ kháng chiến. Bác thường xuyên có những ý kiến chỉ đạo mang tính chiến lược về đường lối văn hóa, nghệ thuật qua những bức thư: *Thư gửi anh em văn hóa và trí thức Nam Bộ* (ngày 25.5.1947), *Thư gửi Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai* (ngày 15.7.1948), *Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa năm 1951* (ngày 10.12.1951). Trong những bức thư ấy, Bác Hồ đã khẳng định mối quan hệ gắn bó không thể tách rời giữa văn hóa và sự nghiệp cách mạng, văn hóa là một bộ phận trong sự nghiệp ấy, khẳng định trách nhiệm, tư cách người chiến sĩ của văn nghệ sĩ: “Văn hóa, nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”³.

Bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam* do Trường Chinh soạn thảo và trình bày tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai ở Việt Bắc (16-20.7.1948) là đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa, văn nghệ mới của Việt Nam trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Bản báo cáo đã khẳng định quan điểm chung làm cơ sở xây dựng nền văn hóa mới:

“Về xã hội, lấy giai cấp công nhân làm gốc;

Về chính trị, lấy độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa làm gốc;

Về tư tưởng, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm gốc;

Về sáng tác văn nghệ, lấy chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa làm gốc”⁴.

Bản báo cáo đã phân tích sâu sắc những quan điểm, nguyên tắc về văn hóa, nghệ thuật trong bối cảnh kháng chiến và trong quá trình xây dựng xã hội mới; làm rõ hơn phương châm dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa; chỉ ra những yêu cầu cơ bản của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Vấn đề lập trường văn hóa Marxist được nhấn mạnh đặc biệt, trong đó tính giai cấp được cho là cốt lõi: “Trong xã hội phân chia giai cấp, không thể có văn hóa (và đặc biệt là văn học, nghệ thuật) không khuynh hướng. Sáng tác văn nghệ nào cũng bao hàm một thái độ xã hội nhất định”⁵. Xuất phát từ lập trường văn hóa Marxist, đồng chí Trường Chinh phê phán các quan niệm “văn hóa trung lập”, “nghệ thuật vị nghệ thuật”, “nghệ thuật thuần túy”.

Trong những năm kháng chiến, mặc dù điều kiện rất khó khăn thiếu thốn nhưng những người hoạt động trên mặt trận văn hóa, văn nghệ tích cực tổ chức những cuộc hội nghị để thảo luận về những vấn đề cấp bách đang đặt ra khi xây dựng nền văn hóa, nghệ thuật cách mạng, tiêu biểu là các hội nghị: Hội nghị Văn nghệ bộ đội (4.1949), Hội nghị Tranh luận văn nghệ Việt Bắc (9.1949), Hội nghị Tranh luận sân khấu (5.1950) ở Việt Bắc và Hội nghị Cán bộ văn nghệ Nam Bộ (01.1951). Qua những cuộc hội nghị ấy, hàng loạt vấn đề được đặt ra để thảo luận như: nghệ thuật và tuyên truyền, vấn đề đánh giá văn nghệ quá khứ của dân tộc, vấn đề “cách mạng hóa tư tưởng, quần chúng hóa sinh hoạt”, vấn đề phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa. Xuyên suốt trong các cuộc hội nghị ấy là tinh thần phát huy sức mạnh của mặt trận văn hóa, văn nghệ trong cuộc kháng chiến và xây dựng

xã hội mới, là xử lý mối quan hệ giữa văn nghệ và thực tiễn cuộc sống, giữa chính trị và văn nghệ. Ba phương châm xây dựng văn hóa là dân tộc, khoa học, đại chúng đã được nhận thức sâu sắc và cụ thể hơn, ngày càng đi vào thực tiễn đời sống, góp phần tạo nên đặc tính mới của văn nghệ Việt Nam, hình thành thể hệ nhà văn kiểu mới gắn bó với cuộc sống của nhân dân, thực sự là chiến sĩ trên mặt trận văn học, nghệ thuật.

Đặt vấn đề văn nghệ có nhiệm vụ tuyên truyền cũng thực chất là cụ thể hóa vấn đề văn nghệ phục vụ chính trị, vì nội dung tuyên truyền chủ yếu lúc ấy là đường lối kháng chiến, là sách lược cách mạng, là cổ vũ, động viên toàn dân tham gia kháng chiến, tham gia sản xuất để phục vụ sự nghiệp bảo vệ nền độc lập vừa giành được trong Cách mạng tháng Tám. Đồng chí Trường Chinh, trong báo cáo *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam*, có những phân tích sâu sắc về mối quan hệ giữa nghệ thuật và tuyên truyền. Trước hết, ông không tán đồng với các ý kiến đối lập giữa nghệ thuật và tuyên truyền cũng như những ý kiến đồng nhất tuyên truyền với nghệ thuật. Vấn đề quan trọng là tuyên truyền cái gì và tuyên truyền như thế nào, xử lý mối quan hệ này như thế nào cho hợp lý. Theo Trường Chinh: “Nghệ thuật và tuyên truyền không hoàn toàn khác nhau, nhưng cũng không hoàn toàn giống nhau. Tuyên truyền cũng là một thứ nghệ thuật. Nghệ thuật tuyên truyền là một phần trong nghệ thuật nói chung. Và bất cứ tác phẩm nghệ thuật nào cũng có ít nhiều tính chất tuyên truyền. Nhưng nói như thế không phải là có thể kết luận rằng: Nghệ thuật và tuyên truyền chỉ là một. Tuyên truyền cao tới một mức nào đó thì tuyên truyền trở thành nghệ thuật. Nghệ thuật thiết thực tới mức nào đó thì nghệ thuật có tính chất rõ rệt là tuyên truyền”⁶. Ý kiến của Trường Chinh có sức thuyết phục,

góp phần động viên văn nghệ sĩ đi sâu vào đời sống nhân dân, trực tiếp tham gia vào cuộc kháng chiến để có được những tác phẩm có tính nghệ thuật cao và có ý nghĩa tuyên truyền, cảm hóa sâu sắc, mạnh mẽ.

Một vấn đề quan trọng được đặt ra trong giai này là phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa. Trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai (tháng 7.1948), Trường Chinh đã có những phác thảo ban đầu dựa trên cơ sở những luận điểm của F. Engels về chủ nghĩa hiện thực, của A. N. Tolstoy về tự do sáng tác. Ông nhấn mạnh, phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa là một phương pháp nghệ thuật tả những sự thật trong xã hội, xây dựng tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình, làm rõ lẽ chuyển biến tất nhiên của xã hội. Trong Hội nghị Tranh luận Việt Bắc (9.1949), nhà văn Nguyễn Đình Thi đã có bài thuyết trình về văn nghệ xã hội chủ nghĩa. Ông nhấn mạnh, văn nghệ phải gắn bó với thực tại xã hội nhưng phải thấy được cái đà đi của cuộc sống, nghĩa là hiện thực trong quá trình vận động. Ông cũng chỉ ra mối quan hệ giữa bản năng, tình cảm và trí tuệ trong sáng tạo nghệ thuật: “Nghệ thuật không thể thiếu chính trị, nhưng chính trị phải thể hiện thành sự sống, đi vào cảm xúc thì mới thành nghệ thuật. Trí tuệ trong nghệ thuật phải là trí tuệ sống, trí tuệ hành động”⁷. Nhà thơ Tố Hữu, trong bài nói chuyện với cán bộ tuyên huấn tháng 10 năm 1949, đã giới thiệu khái lược về phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Sau đó ông chỉ ra những điều kiện cần thiết để sáng tạo thành công tác phẩm theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa như nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, nắm vững đường lối của Đảng, đi sâu vào thực tế cuộc sống, lắng nghe sự góp ý của quần chúng.

Từ sau hòa bình lập lại trên Miền Bắc và trong thời kỳ chống Mĩ cứu nước, tư tưởng

văn nghệ Marxist càng được truyền bá sâu rộng, trực tiếp chi phối định hướng sáng tác và phê bình văn nghệ nước ta. Các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đến công tác văn hóa, văn nghệ, đã soạn thảo nhiều văn kiện kịp thời chỉ đạo văn nghệ sĩ. Các tài liệu như thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng gửi các Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ II (1957), lần thứ III (1962), lần IV (1968) và những bài phát biểu của Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Tố Hữu... tại các hội nghị về văn hóa, nghệ thuật có ý nghĩa quyết định đường lối phát triển văn hóa, văn nghệ, xác lập nguyên tắc tính Đảng, tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc, phương pháp sáng tác của nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa. Tiêu biểu là bài nói chuyện tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba (1962) của Hồ Chí Minh; *Phải nắm vững và vận dụng cho được những quy luật riêng của tư tưởng* (1962) của Lê Duẩn; *Phấn đấu cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú, dưới ngọn cờ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội* (1957), Bài nói chuyện tại Hội nghị Ban viết toàn quân (1959), Bài nói chuyện tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba (1962) của Trường Chinh; *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ* (1962), *Hiểu biết, khám phá và sáng tạo phục vụ Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội* (1968) của Phạm Văn Đồng; *Đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản, nâng cao nhiệt tình cách mạng và tính chiến đấu trong văn nghệ* (1964) của Tố Hữu...

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến văn nghệ sĩ, thường có những trao đổi chân tình, thiết thực mà sâu sắc về văn hóa, văn nghệ. Khi nhân dân Miền Bắc bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới, Bác xác định nhiệm vụ trọng tâm của của văn nghệ là sáng tạo được "những tác phẩm ca tụng một cách chân thật những người mới, việc mới, chẳng những để làm gương mẫu

cho chúng ta ngày nay mà còn để giáo dục con cháu ta đời sau [...] những tác phẩm có nội dung chân thật và phong phú, có hình thức trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì có bổ ích"⁸. Hồ Chủ tịch hiểu sâu đặc trưng của công tác văn nghệ, công tác văn nghệ là thu phục nhân tâm, là cảm hóa con người. Vì vậy, tác phẩm văn nghệ trước hết phải hấp dẫn, phải có "hình thức trong sáng và vui tươi", giản dị, dễ hiểu đối với quần chúng. Bác khuyến văn nghệ sĩ tránh viết cầu kỳ, khó hiểu, "chớ mượn chữ Hán quá nhiều", văn nghệ cần giáo dục quần chúng bằng tấm gương người thật, việc thật và bằng thái độ chân thật. Những ý kiến của Hồ Chí Minh về văn hóa, nghệ thuật thật giản dị, dễ hiểu nhưng chứa đựng những vấn đề lý luận sâu sắc, góp phần xây dựng một nền văn nghệ đại chúng, đậm đà bản sắc dân tộc.

Người viết nhiều, nói nhiều và có hệ thống về lý luận văn hóa, văn nghệ cách mạng Việt Nam là đồng chí Trường Chinh. Trong giai đoạn 1955-1975, ông viết hàng chục bài tiểu luận công phu bàn về văn hóa, văn nghệ. Những vấn đề cốt yếu của lý luận văn nghệ Marxists được ông tiếp nhận và lý giải khá toàn diện. Bản báo cáo *Phấn đấu cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú, dưới ngọn cờ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội* được ông trình bày tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai (1957) là một tài liệu quan trọng, thể hiện tập trung đường lối văn nghệ của Đảng trong giai đoạn "giương cao hai ngọn cờ" độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong bản báo cáo này, Trường Chinh đã nêu lên đường lối xây dựng nền văn nghệ mới với các nội dung cơ bản như sau: 1) Học tập chủ nghĩa Marx-Lenin và đường lối, chính sách của Đảng để có một lập trường vững chắc và một phương pháp tư tưởng đúng đắn; 2) Đi sâu hơn nữa vào đời sống của công-nông-binh và Nhân dân

lao động nói chung; 3) Trau dồi hiểu biết về kỹ thuật, nâng cao phẩm chất nghệ thuật của tác phẩm; 4) Vận dụng phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa để sáng tác và phê bình được tốt; 5) Thực hiện một mặt trận văn nghệ rộng rãi và chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sau khi trình bày đường lối chung, Trường Chinh đã kiến giải một số vấn đề cụ thể đặt ra đối với văn nghệ lúc đó như: quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, vấn đề miêu tả sự thật, vấn đề sáng tác phục vụ trước mắt và phục vụ lâu dài, vấn đề tự do sáng tác, vấn đề phát huy truyền thống văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn nghệ nước ngoài.

Đồng chí Phạm Văn Đồng – người đã nhiều năm giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa – cũng có nhiều bài phát biểu chỉ đạo đường lối văn nghệ trong giai đoạn này. Trong bài nói chuyện với văn nghệ sĩ ngày 11.7.1962, ông tập trung vào vấn đề văn nghệ phát hiện và miêu tả “cái mới” trong xã hội chúng ta như thế nào. Ông xác định: “Cái mới là đối tượng, là nội dung, là mục tiêu của nghệ sĩ”⁹. Để nhìn thấy được cái mới, nghệ sĩ phải “sáng mắt, sáng lòng”, phải không ngừng học tập quan điểm và phương pháp, tư tưởng của Đảng, tìm hiểu sâu sắc đời sống của quần chúng nhân dân. Theo Phạm Văn Đồng, nghệ sĩ muốn sáng tạo được những tác phẩm nghệ thuật có giá trị thì nghệ sĩ cần phải có vốn: “vốn chính trị, vốn sống, vốn tri thức và phải có tài, phải công phu”¹⁰. Tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ tư (1968), Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng có bài phát biểu quan trọng, có ý nghĩa xác định đường lối văn nghệ. Trước diễn đàn Đại hội, ông đã chỉ ra đối tượng và những nguồn cảm hứng chủ yếu của sáng tạo nghệ thuật Việt Nam lúc này là “Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội”, ông khẳng định

nguyên lý: “Văn học, nghệ thuật là công cụ để hiểu biết, để khám phá, để sáng tạo thực tại xã hội”¹¹. Ông căn dặn văn nghệ sĩ cần phải sống trong hiện thực vĩ đại của dân tộc, phải thấm nhuần tư tưởng lớn của Đảng và không ngừng trang bị những tri thức văn học, nghệ thuật của dân tộc và nhân loại. Có như vậy mới hoàn thành được trách nhiệm vẻ vang của người nghệ sĩ trong thời đại ngày nay.

Phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa đã được giới thiệu ở Việt Nam từ trước Cách mạng tháng Tám, được đưa vào *Đề cương về văn hóa Việt Nam* với cái tên là “xu hướng tả thực xã hội”. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp đã được Trường Chinh và Tố Hữu giới thiệu trên những nét đại lược. Sau năm 1954, phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa mới được bàn luận một cách rộng rãi và trở thành phương pháp nghệ thuật độc tôn trong văn nghệ Miền Bắc giai đoạn 1955-1985. Năm 1957, trong bản báo cáo *Phấn đấu cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú, dưới ngọn cờ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội*, Trường Chinh đã khẳng định: “Hiện thực xã hội chủ nghĩa là một phương pháp sáng tác văn nghệ tốt nhất. Vì nó giúp ta miêu tả người và việc một cách đúng đắn, sâu sắc và sinh động nhất, ngược hẳn với những khuynh hướng văn nghệ đồi trụy của chủ nghĩa tư bản”¹². Ngày 26 tháng 3 năm 1959, trong bài nói chuyện tại Hội nghị Ban viết toàn quân, Trường Chinh trình bày rõ hơn về phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Ông cho rằng phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa trước hết là miêu tả thực tế đời sống của quần chúng nhân dân theo phương pháp duy vật, phải xây dựng những nhân vật điển hình, phải miêu tả cuộc sống một cách cụ thể, lịch sử theo chiều hướng vươn lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa phát triển đến trình độ cao sẽ

nhất trí với chủ nghĩa lãng mạn cách mạng, sẽ có năng lực biểu hiện nghệ thuật cao. Năm năm sau, những đặc điểm nổi bật của phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa được Trường Chinh nêu lên trong bài nói chuyện tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba, ngày 01.12.1962: “Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa phản ánh chân thật cuộc sống trong quá trình phát triển cách mạng của nó, trong những hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của lịch sử, làm cho người ta nhìn thấy trước được hướng đi tới của xã hội. Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa khác chủ nghĩa hiện thực tầm thường, vì bản thân nó chứa đựng đầy đủ tính lãng mạn cách mạng, vì nó đủ khả năng thể hiện những yếu tố luôn luôn vươn tới của cuộc sống, những mơ ước ngày nay nhưng là hiện thực của ngày mai. Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa đòi hỏi điển hình hóa đến cao độ”¹³. Tất cả những nguyên tắc trên chi phối đặc điểm nội dung và nghệ thuật của văn nghệ nước ta từ năm 1945 đến năm 1985, tạo nên một nền văn nghệ giàu tính chiến đấu, góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất, xứng đáng được đánh giá là “nền văn nghệ tiên phong chống chủ nghĩa đế quốc trong thời đại ngày nay”. Tuy nhiên, phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa có những giới hạn trong phản ánh hiện thực, công thức hóa trong tiếp cận đời sống, đơn điệu trong phương thức biểu đạt nên nó chỉ phát huy được hiệu quả tốt nhất trong một giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc.

3. Đề cương về văn hóa Việt Nam và đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng trong thời kỳ đổi mới và hội nhập

Công cuộc đổi mới được Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức khởi động từ Đại hội lần thứ VI (1986) đã tác động đến mọi lĩnh vực đời sống, góp phần mở ra một thời đại mới trong văn hóa, nghệ thuật Việt Nam.

Khi đổi mới trở thành xu thế không thể đảo ngược thì lý luận văn hóa, văn nghệ đã chuyển động nhịp nhàng với thời cuộc, trở nên giàu có, đa dạng và sống động chưa từng thấy. Trước năm 1986, lý luận văn hóa, nghệ thuật nước ta đã có những bước khởi động ban đầu theo xu hướng đổi mới. Những bước khởi động ban đầu đó là kết quả của quá trình chuyển biến nội tại và những tác động khách quan từ những biến động chính trị trên thế giới, trực tiếp nhất là cuộc cải tổ ở Liên Xô và cải cách mở cửa ở Trung Quốc. Trung Quốc là nước tiến hành cải cách mở cửa sớm nhất trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. Từ Hội nghị Trung ương 3 khóa XI (tháng 12.1978) của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình đã kêu gọi “giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí hướng về phía trước”. Hội nghị đã thống nhất phương châm tư tưởng của Đảng trong thời kỳ mới là “thực sự cầu thị, giải phóng tư tưởng, cải cách mở cửa”. Từ đó, Trung Quốc chuyển nhanh từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường, tư tưởng được khai phóng, văn hóa, văn nghệ chuyển từ đơn điệu sang đa dạng, phương châm “Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng” được ghi vào *Hiến pháp Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*. Nhờ sự khai phóng tư tưởng và sự phát triển kinh tế thị trường đã khiến cho đất nước Trung Hoa rộng lớn chuyển mình nhanh chóng trên nhiều phương diện, trong đó có văn hóa, văn nghệ.

Cuộc cải tổ ở Liên Xô được khởi xướng từ năm 1985 bởi Mikhail Gorbachev với mục đích giải phóng các tiềm năng của đất nước, khắc phục tình trạng khủng hoảng kinh tế, dân chủ hóa đời sống xã hội. Sự thay đổi cơ bản và triệt để về thể chế chính trị và mô hình kinh tế tất yếu dẫn đến sự thay đổi ý thức hệ. Trong điều kiện đó, nền văn học, nghệ thuật cùng với tư tưởng học thuật ở

Nga và các nước Đông Âu cũng nhanh chóng đổi thay. Lý luận văn học Marxist chính thống ở Nga không còn chiếm địa vị độc tôn, thậm chí còn bị đẩy ra khu vực ngoại biên. Các tác gia Marxist phi chính thống tái sinh, trở về khu vực trung tâm, các trường phái lý luận văn học phương Tây được tiếp nhận một cách cởi mở. Lý luận văn hóa, văn nghệ Việt Nam từ lâu đã gắn bó với lý luận nghệ thuật Xô Viết. Các nhà lý luận, phê bình Việt Nam theo sát quá trình diễn biến của lý luận nghệ thuật Liên Xô thời cải tổ và lý luận văn học Nga thời hậu Xô Viết. Những bài báo quan trọng đăng trên tạp chí chuyên ngành văn học ở Nga sớm được dịch và đăng tải trên Báo *Văn nghệ* của Hội Nhà văn Việt Nam trong những năm tám mươi của thế kỷ XX. Những chuyển động trong tư tưởng lý luận nghệ thuật ở Trung Quốc và ở Nga cũng là một trong những nhân tố tác động vào quá trình đổi mới lý luận văn hóa, văn nghệ Việt Nam.

Đường lối đổi mới của Đảng ta được đề xướng từ Đại hội VI đã tạo nên động lực mới trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội và tác động mạnh mẽ đến văn hóa, nghệ thuật. Một sự kiện đặc biệt quan trọng có ý nghĩa định hướng đổi mới văn hóa, nghệ thuật nước ta là cuộc gặp gỡ (trong hai ngày: 6-7.10.1987, tại Hà Nội) của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với gần 100 văn nghệ sĩ đại diện giới văn hóa, văn nghệ. Trong gặp gỡ thân mật này, đồng chí Tổng Bí thư đã nghe nhiều ý kiến phát biểu chân thành, thẳng thắn của văn nghệ sĩ về thực trạng văn học, nghệ thuật nước ta, về những bất cập trong mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, vấn đề tự do sáng tác, về cơ chế quản lý văn nghệ... Trong buổi cuối cùng của cuộc gặp gỡ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã phát biểu một cách thân mật, chân tình và thẳng thắn. Trước hết, đồng chí "hết sức

hoan nghênh tất cả những ý kiến của các đồng chí đã phát biểu hai ngày nay, tất cả đều thẳng thắn, chân thành, đa dạng, phong phú, sâu sắc", đồng chí thấu hiểu tình trạng bị "trói buộc" của văn nghệ sĩ và chủ trương "cần phải được cởi trói cho sự sáng tạo"¹⁴. Đồng chí khuyên anh chị em văn nghệ sĩ "phải nắm vững trường phái tả chân xã hội chủ nghĩa. Văn nghệ phải nói lên sự thật, dù là sự thật phũ phàng, nhưng mà có thật... Nếu như còn bị trói thì thà đừng viết, chưa viết. Hãy đi vào thực tế quần chúng đã. Cởi trói được rồi hãy viết. Chứ đừng uốn cong ngòi bút của mình, đừng uốn cong tư duy, tình cảm của mình"¹⁵. Cuộc gặp gỡ quan trọng này đã đưa lại một luồng sinh khí mới cho văn hóa, nghệ thuật, khiến cho văn nghệ sĩ tự tin bước sang một thời kỳ mới của văn nghệ nước nhà. Hơn một tháng sau cuộc gặp gỡ đó, ngày 28.11.1987, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra Nghị quyết số 05 về *Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới*. Nghị quyết đã khẳng định vai trò quan trọng của văn học, nghệ thuật đối với đời sống của Nhân dân, của dân tộc: "Văn nghệ là nhu cầu thiết yếu trong đời sống tinh thần của xã hội, thể hiện trình độ phát triển chung của một đất nước, một thời đại, là lĩnh vực sản xuất tinh thần tạo ra những giá trị văn hóa, những công trình nghệ thuật được lưu truyền từ đời này sang đời khác, làm giàu đẹp thêm cuộc sống con người [...] là tiếng nói đầy trách nhiệm, trung thực, tự do, tiếng nói của sự thật, của lương tri, của tinh thần nhân đạo cộng sản chủ nghĩa, phản ánh được nguyện vọng sâu xa của Nhân dân"¹⁶. Nghị quyết số 05 đã thể hiện sự đổi mới sâu sắc tư duy lý luận của Đảng về văn hóa, văn nghệ, chỉ ra thiên chức quan trọng nhất của văn nghệ sĩ là "tạo ra những

giá trị văn hóa, những công trình nghệ thuật [...] làm đẹp thêm cho cuộc sống con người”, chỉ ra bản chất của nghệ thuật chân chính là tiếng nói trung thực, tự do, nhân đạo, tiếng nói của lương tri, phản ánh được nguyện vọng của nhân dân.

Sự đổi mới tư duy lý luận về văn hóa, nghệ thuật cũng được biểu hiện trong phương pháp lãnh đạo, quản lý văn hóa, nghệ thuật. Các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước không trực tiếp chỉ đạo hoạt động phê bình văn nghệ bằng những bài nói chuyện, những ý kiến phát biểu về những vấn đề cụ thể của văn nghệ như những thời kỳ trước. Đảng tập trung vào phương diện định hướng tư tưởng, không can thiệp quá sâu vào những vấn đề chuyên môn học thuật, nghệ thuật. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với văn học, nghệ thuật và tính chủ động của văn nghệ sĩ trong công tác văn nghệ, tháng 9 năm 2003, Ban Bí thư đã ra Quyết định thành lập Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương. Hội đồng có chức năng “Tư vấn cho Đảng, Nhà nước về công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật”. Từ đây, công tác lý luận, phê bình văn nghệ linh hoạt và chủ động hơn, trở thành một hoạt động chuyên môn của đông đảo những người trong giới văn nghệ, bao gồm những người sáng tác và những người nghiên cứu, giảng dạy văn học, nghệ thuật, những biên tập viên văn học của các cơ quan báo chí, xuất bản. Họ không còn là những người “gác cổng”, “kiểm dịch” sáng tác mà là người bạn đồng hành, đồng sáng tạo với văn nghệ sĩ, góp phần kiến tạo và thúc đẩy tiến trình văn học, nghệ thuật.

Đường lối xây dựng văn hóa, văn nghệ Việt Nam đã được vạch ra từ *Đề cương về Văn hóa Việt Nam* năm 1943 với ba nguyên tắc cơ bản: “dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa”, là hoàn toàn đúng đắn, vừa

mang tính lịch sử vừa có ý nghĩa lâu dài. Nguyên tắc “dân tộc hóa” được nêu lên đầu tiên trong ba nguyên tắc vận động văn hóa mới Việt Nam là hợp lý. Thời điểm đó, đất nước ta đang bị thực dân Pháp và phát xít Nhật đô hộ, việc giải phóng dân tộc, bênh cạnh việc giành lại chủ quyền đất nước, giành lại chính quyền về tay nhân dân là phải phải thoát khỏi văn hóa nô dịch, tiến tới xây dựng nền văn hóa “có tính chất dân tộc hoàn toàn độc lập”. Đường lối xây dựng nền văn hóa mới “có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung” đã được Đảng xác định một cách rõ ràng từ đó. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, Đảng ta tiếp tục đường lối xây dựng nền văn hóa dân tộc và dân chủ, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng (1960) đã xác định: “Phát triển nền văn nghệ mới với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc”¹⁷. Với chiến thắng mùa xuân năm 1975, Miền Nam hoàn toàn được giải phóng, đất nước được thống nhất. Năm 1976, Đảng tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư, Nghị quyết Đại hội đã tiếp tục khẳng định tính chất dân tộc của nền văn hóa Việt Nam: “Nền văn hóa mới là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc”¹⁸. Điểm mới trong nội hàm khái niệm tính dân tộc được xác định trong Nghị quyết của Đại hội lần thứ ba và thứ tư của Đảng so với *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng là chuyển từ “tính chất dân tộc về hình thức” thành “tính chất dân tộc”. Như vậy khái niệm “tính chất dân tộc” được mở rộng hơn, không chỉ trong bình diện hình thức mà còn thấm vào nội dung của văn hóa, làm nên linh hồn của văn hóa, nghệ thuật.

Từ thời kỳ Đổi mới, Đảng càng quan tâm nhiều hơn đến công tác văn hóa, văn nghệ, có những nhận thức ngày càng sâu sắc, toàn diện và đầy đủ hơn về văn hóa, văn nghệ. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (6.1991) được trình bày tại Đại hội lần thứ VII, Đảng ta đã vạch ra đường lối xây dựng văn hóa nước ta theo phương châm: “Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại”¹⁹. Trong bối cảnh đất nước thống nhất, các dân tộc anh em trên toàn cõi đã đoàn kết trong mái nhà chung, việc phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc (ethnics) trong cộng đồng dân tộc Việt Nam (Vietnam nation) là hết sức cần thiết. Mặt khác, để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, chúng ta cần phải không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đây là quan điểm mới phù hợp với thời kỳ hội nhập quốc tế, là con đường hiện đại hóa nền văn hóa, văn nghệ nước nhà, làm cho nền văn hoá, văn nghệ của chúng ta ngày càng tiên tiến hơn, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại, thống nhất mà đa dạng.

Để nhanh chóng xây dựng đất nước hùng cường, chúng ta cần phải phát huy mọi nguồn lực của nhân dân, của dân tộc, trong đó văn hóa là một nguồn lực không kém phần quan trọng. Xuất phát từ quan điểm đó, trong Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 14.11.1993, *Về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt*, Đảng đã nhấn mạnh vai trò to lớn của văn hóa: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển tế-xã hội, đồng thời là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội”²⁰. Đây là nhận thức mới, đúng đắn bởi vì trong thời

đại ngày nay, văn hóa không chỉ làm nhiệm vụ xây dựng đời sống tinh thần cho Nhân dân mà còn tham gia vào hoạt động kinh tế, góp phần thúc đẩy kinh tế. Chính sự có mặt của văn hóa trong kinh tế làm cho kinh tế năng động hơn và góp phần làm cho xã hội hài hòa hơn trong quá trình phát triển. Năm năm sau, Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16.7.1998, của Ban Chấp hành Trung ương về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* được ban hành. Kế thừa những tư tưởng văn hóa của Đảng trong các giai đoạn cách mạng trước đó và nắm bắt tình hình mới trong nước và trên thế giới, Nghị quyết số 03 đã trình bày một cách hệ thống những quan điểm cơ bản của Đảng ta về văn hóa, văn nghệ:

“1. Văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội.

2. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

3. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

4. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

5. Văn hóa là một mặt trận; xây dựng, phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng”²¹.

Những quan điểm cơ bản đó một lần nữa được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng (1.2011): “Tiếp tục xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân

tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”²². Đường lối xây dựng văn hóa văn nghệ nhất quán đó được tiếp tục khẳng định trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng (1.2021): “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”²³. Gần đây, ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài phát biểu sâu sắc, toàn diện về đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Ngay từ đầu bài phát biểu này, Tổng Bí thư đã khẳng định: “Vị trí, vai trò quan trọng của văn hóa: Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn...”²⁴. Đồng chí xác định quan điểm của Đảng ta hiện nay về văn hóa, văn nghệ: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta”²⁵.

Đường lối hóa văn nghệ của Đảng từ *Đề cương về Văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến nay là nhất quán nhưng linh hoạt, không ngừng phát triển và đổi mới phù hợp với thực tiễn đất nước và nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn. Trên quan điểm biện chứng đó, trong thời kỳ đổi mới và hội nhập hiện nay, Đảng ta ngày càng hoàn thiện đường lối xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp

của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại nhằm góp phần xây dựng xã hội tiến bộ, dân chủ, văn minh, nhân văn và hạnh phúc. ■

Chú thích:

¹ Trường Chinh (2003): “Diễn văn nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*”, in lại trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam chặng đường 60 năm*, NXB. Chính trị Quốc gia, tr.54.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập III, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, tr.320.

³ Hồ Chí Minh (1951), *Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa, năm 1951*.

^{4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13} Hồ Chí Minh-Lê Duẩn-Trường Chinh-Phạm Văn Đồng-Võ Nguyên Giáp-Nguyễn Chí Thanh (1972), *Về văn hóa nghệ thuật*, NXB Văn hóa, tr.110, tr.103, tr.118-119, tr.342, tr.364, tr.399, tr.138, tr.258-259, tr.64..

⁷ Hữu Nhuận (Sưu tập, 1999), *Sưu tập Văn nghệ 1948-1954*, tập 2: 1949, NXB. Hội Nhà văn, tr.608.

^{14, 15} Báo *Văn nghệ*, số 42 (ngày 17.10.1987).

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Một số văn kiện của Đảng về công tác tư tưởng – văn hóa*, tập 2 (1986-2000), NXB. Chính trị Quốc gia.

¹⁷ <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-iii/nghi-quyet-cua-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-iii-cua-dang-lao-dong-viet-nam-ve-nhiem-vu-va-duong-loi-cua-1458>.

¹⁸ <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-iv/nghi-quyet-cua-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-iv-cua-dang-1522>.

¹⁹ <https://daihoidang.vn/cuong-linh-xay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi-475.vnp>.

²⁰ Nhiều tác giả (2001), *Về lãnh đạo, quản lý văn học nghệ thuật trong công cuộc đổi mới*, NXB. Chính trị Quốc gia, tr.47.

²¹ <https://bvhttdl.gov.vn/van-ban-quan-ly/595.htm>.

²² <https://chinhphu.vn/portal/page/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/TongtinTonghop/noidungvankien daihoidang?categoryId=100007>.

²³ <https://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Toan-van-Nghi-quyet-Dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-XIII-cua-Dang/424239.vgp>.

^{24, 25} Tạp chí *Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật*, số 12.2021, tr.3-4.